TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **22/**2024/HS-ST
Ngày 27 - 3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Ngọc

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Minh T**, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1991 tại xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Trọng G, sinh năm 1962 và bà: Lê Thị L, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ là Lê Thị N, sinh năm 1994, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến ngày 22/9/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Văn T1**, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1993 tại xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Hùng S, sinh năm 1968 và bà: Phạm Thị O, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Lê Hồng Trang, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2019 và con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/9/2016, bị Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định khởi tố bị can số 128/CSĐT về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 14/5/2017, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định đình chỉ vụ án hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến ngày 22/9/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Lại Thị C, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

2. Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

4. Anh Phan Văn Q, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Tổ dân phố 4, Thị trấn Qúy Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Đinh Quang D, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Thiều Huy V, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

8. Anh Trương Công C, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

9. Chị Trần Thị T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Mai Thanh P, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu đô thị Vinhomes Star City, phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Trịnh Thị H2, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Đinh Quang K, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

5. Ông Đinh Quang D2, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định tiếp nhận đơn tố giác của chị Lại Thị C, sinh năm 1996, ở thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa về việc: Từ khoảng tháng 12/2021 đến năm 2023, Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 đã cho chị cầm cố tài sản để vay tiền với lãi suất cao, số tiền lãi mà chị đã đóng cho T và T1 khoảng 200.000.000đ. Ngày 24/8/2023, Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 đầu thú khai nhận hành vi cho vay lãi nặng. Qúa trình điều tra đã chứng minh được như sau:

Từ ngày 23/12/2021 đến ngày 23/8/2023, lợi dụng hoạt động đăng ký kinh doanh cầm đồ, mua bán ký gửi tài sản Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 đã cho một số người dân trên địa bàn huyện Yên Định vay tiền bằng hình thức tín chấp, thế chấp hoặc cầm cố tài sản với lãi xuất cố định 3.000đ/01 triệu/ ngày, tương đương với mức lãi xuất 109,5% (gấp 5,475 lần) lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. T và T1 thỏa thuận với người vay về số tiền vay, lãi xuất, 01 kỳ vay có thể là 5, 10, 15 ngày, khi vay cắt trước 01 kỳ lãi vào số tiền gốc, thời hạn vay không cố định mà hết 01 kỳ vay, người vay muốn vay tiếp thì đóng tiền lãi tương đương 01 kỳ vay đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ gốc.

Đối với khoản vay chung của T và T1 thì T là người theo dõi khoản tiền vay, liên lạc với khách hàng qua điện thoại hoặc tin nhắn zalo hoặc gặp mặt trực tiếp để nhắc lãi. T và T1 thỏa thuận chia đôi số tiền gốc và lãi. Qúa trình vay, trả tiền thực hiện bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền trực tiếp. T sử dụng 02 số tài khoản mang tên TRINH MINH TAN gồm: Tài khoản 2810199188888 Ngân hàng MB và số tài khoản 00865048888 Ngân hàng Tiên Phong. T1 sử dụng tài khoản 0000199356789 Ngân hàng MB mang tên TRỊNH VĂN T1. Cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp vay của chị Lại Thị C, sinh năm 1996, ở thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bắt đầu từ ngày 23/12/2021 đến ngày 09/8/2023, T và T1 đã cho chị C vay tổng số tiền là 1.284.000.000đ, trong đó: T cho vay 884.000.000đ, T1 cho vay 400.000.000đ. Tổng số tiền T và T1 đã thu 379.550.000đ, thu lợi bất chính số tiền 310.267.539đ (Trong đó: T thu lãi số tiền 206.550.000đ, thu lợi bất chính số tiền 168.829.452đ; T1 thu lãi số tiền 173.000.000đ, thu lời bất chính số tiền 141.438.357đ). Cụ thể:

- *Khoản 1*: Ngày 23/12/2021, Chị C vay của T 80.000.000đ, định kỳ 10 ngày đóng lãi một lần. T cắt lãi 10 ngày: 2.400.000đ. Từ ngày vay đến ngày 12/5/2022, Châm đóng 15 kỳ lãi với số tiền là 36.000.000đ. T thu lợi bất chính số tiền 29.424.658đ.

- *Khoản 2*: Ngày 16/5/2022, Châm mượn xe ô tô nhãn hiệu Vios, màu đen, biển kiểm soát 36A-288.60 của chị Trịnh Thị H2, sinh năm 1989, ở thôn A, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để cầm cố cho T và T1 vay tiền. Do chị C đang còn nợ T số tiền 80.000.000đ nên T và T1 thống nhất chỉ cho chị C vay thêm

200.000.000đ, cộng với khoản vay cũ là 280.000.000đ, mỗi người góp một nửa tiền vay, T đã góp trước 80.000.000đ nên chỉ phải đóng góp thêm 60.000.000đ. Ngày 24/6/2022, Châm trả cho T số tiền gốc 200.000.000đ để lấy xe trả cho chị Hà, nợ lại số tiền 80.000.000đ. Tổng chị C đã đóng cho T và T1 05 kỳ lãi (mỗi kỳ 10 ngày) số tiền 39.600.000đ (trong đó kỳ lãi đầu tiên cắt vào tiền gốc 6.000.000đ (của số tiền vay 200.000.000đ), 04 kỳ lãi sau cộng với khoản nợ cũ 80.000.000đ nên kỳ lãi là 8.400.000đ (của số tiền vay 280.000.000đ). T và T1 thu lợi bất chính số tiền 32.367.124đ (mỗi người hưởng lợi số tiền 16.183.562đ).

- *Khoản 3*: Ngày 01/7/2022, chị C tiếp tục mượn xe ô tô của chị Hà để cầm cố vay số tiền 200.000.000đ của T và T1. Ngày 16/9/2022, chị C trả số tiền gốc 200.000.000đ để lấy xe ra, tiếp tục nợ lại số tiền 80.000.000đ, T và T1 cắt lãi 10 ngày 6.000.000đ. Thu của chị C 66.200.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền 54.101.370đ (Trong đó: Khoản tiền lãi 80.000.000đ từ ngày 24/6/2022 đến ngày 01/7/2022 (06 ngày) là 1.400.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.136.986đ; lãi kỳ đầu 10 ngày của số tiền vay 200.000.000đ là 6.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 4.904.110đ. Từ ngày 10/7/2022 đến ngày 16/9/2022 gộp 2 khoản nợ thành số tiền gốc 280.000.000đ, đóng lãi 58.800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 48.060.274đ. Mỗi người hưởng lợi số tiền 27.050.685đ).

- *Khoản 4*: Ngày 05/7/2022, chị C nhờ anh Trương Công C, sinh năm 1986 và chị Trần Thị T, sinh năm 1991, ở thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 877, tờ bản đồ số 30 ở thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để vay T và T1 số tiền 200.000.000đ. T và T1 yêu cầu anh C và chị T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho T1 (mục đích không phải bán đất mà để làm tin bảo đảm cho khoản vay, che giấu việc Châm vay lãi nặng). Khoản vay này, chia làm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ ngày 05/7/2022 đến ngày 16/9/2022, chị C đã đóng số tiền lãi là 45.000.000đ (75 ngày của số tiền gốc 200.000.000đ), trong đó kỳ đầu thỏa thuận vay 15 ngày, cắt trước số tiền 9.000.000đ, 06 kỳ còn lại 36.000.000đ. Thu lợi bất chính số tiền 36.780.822. Mỗi người hưởng lợi số tiền 18.390.411đ.

+ Giai đoạn 2: Số tiền vay 80.000.000đ còn nợ lại từ ngày 16/9/2022 của khoản vay cầm cố xe ô tô gộp vào khoản vay 200.000.000đ thế chấp đất. Từ ngày 17/9/2022 đến ngày 25/3/2023 (ngày chị C mất khả năng trả lãi khoản vay này, xin T và T1 dừng trả lãi để chờ trả nợ gốc, T và T1 đồng ý). Chị C đã đóng số tiền lãi 163.800.000đ (195 ngày). Thu lợi bất chính số tiền 133.882.192đ. Mỗi người hưởng lợi số tiền 66.941.096đ).

Tổng hai giai đoạn, T và T1 đã thu của chị C số tiền lãi 208.800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 170.663.014đ, mỗi người hưởng lợi số tiền là 85.331.507đ. Hiện

nay, chị C vẫn còn nợ T và T1 khoản vay 280.000.000đ này, T1 vẫn đang cầm cố sổ đỏ của anh C và chị T.

- *Khoản 5*: Ngày 17/10/2022, chị C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Ariblade, màu trắng, biển kiểm soát 36B5-59797 vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi 10 ngày là 600.000đ. Ngày 19/10/2022 thanh toán khoản vay. T thu lợi bất chính số tiền 490.411đ.

- *Khoản 6*: Ngày 10/11/2022, chị C cầm cố chiếc điện thoại Iphone 13 Promax vay T số tiền 18.000.000đ, cắt lãi 10 ngày là 540.000đ nhưng làm tròn thành 550.000đ. Đến ngày 25/11/2022, thanh toán khoản vay. Tiền lãi 20 ngày 1.100.000đ, T thu lợi bất chính số tiền 902.740đ.

- *Khoản 7*: Ngày 04/12/2022, chị C tiếp tục cầm cố điện thoại trên vay T số tiền 18.000.000đ, cắt lãi 10 ngày là 540.000đ nhưng làm tròn thành 550.000đ. Chiều cùng ngày, thanh toán khoản vay. Tiền lãi 550.000đ, T thu lợi bất chính số tiền 451.370đ.

- *Khoản 8*: Ngày 05/12/2022, chị C tiếp tục cầm cố điện thoại trên vay T số tiền 18.000.000đ, cắt lãi 10 ngày là 540.000đ nhưng làm tròn thành 550.000đ. Đến ngày 19/12/2022, thanh toán khoản vay. Tiền lãi 20 ngày là 1.100.000đ, T thu lợi bất chính số tiền 902.740đ.

- *Khoản 9*: Ngày 06/02/2023, chị C cầm cố chiếc xe mô tô SH 125i, màu trắng, biển kiểm soát 36C2-23382 vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến ngày 08/02/2023, thanh toán khoản vay. T thu lời bất chính 858.219đ.

- *Khoản 10*: Ngày 09/02/2023, chị C tiếp tục cố xe mô tô trên vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến ngày 13/02/2023, thanh toán khoản vay. T thu lời bất chính 858.219đ.

- *Khoản 11*: Ngày 16/02/2023, chị C tiếp tục cố xe mô tô trên vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến chiều cùng ngày, thanh toán khoản vay. T thu lời bất chính 858.219đ.

- *Khoản 12*: Ngày 21/02/2023, chị C tiếp tục cố xe mô tô trên vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến ngày 28/02/2023, thanh toán khoản vay. Lãi 20 ngày là 2.100.000đ, T thu lời bất chính 1.716.438đ.

- *Khoản 13*: Ngày 04/3/2023, chị C tiếp tục cố xe mô tô trên vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến ngày 16/3/2023, thanh toán khoản vay. T thu lời bất chính 858.219đ.

- *Khoản 14*: Ngày 25/3/2023, chị C tiếp tục cố xe mô tô trên vay T 70.000.000đ, cắt lãi 05 ngày là 1.050.000đ. Đến chiều cùng ngày, thanh toán khoản vay. T thu lời bất chính 858.219đ.

- *Khoản 15*: Ngày 07/3/2023, chị C cầm cố điện thoại Iphone 14 Promax và nhẫn 01 chỉ vàng tây vay của T 30.000.000đ, cắt trước 10 ngày tiền lãi là

900.000đ. Đến ngày 16/3/2023, thanh toán khoản vay. T thu lợi bất chính 735.616đ.

- *Khoản 16*: Ngày 16/5/2023, chị C tiếp tục cầm cố điện thoại trên vay của T 20.000.000đ, cắt trước 10 ngày tiền lãi là 600.000đ. Đến ngày 20/5/2023, thanh toán khoản vay. T thu lợi bất chính 490.411đ.

- *Khoản 17*: Ngày 15/5/2023, chị C cầm cố chiếc xe SH 150i nêu trên vay T1 60.000.000đ, cắt lãi trước 05 ngày 900.000đ. Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 09/8/2023 (86 ngày), T1 đã thu của Châm số tiền lãi là 15.700.000đ, thu lợi bất chính 12.872.603đ. Khoản vay này, Châm còn nợ T1 60.000.000đ tiền gốc. Chiếc xe máy này T1 gửi nhờ nhà anh Mai Thanh P, sinh năm 2003, ở thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy, đối với trường hợp vay của chị Lại Thị C, hiện tại chị C vẫn còn nợ T và T1 số tiền gốc là 280.000.000đ, nợ T1 số tiền gốc là 60.000.000đ (BL 61-83, 146-164, 178-185).

2. Đối với trường hợp vay của chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991 ở tổ dân phố 4, Thị trấn Qúy Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vay tiền của Trịnh Văn T1.

Ngày 03/7/2022, chị H cùng chồng là Phan Văn Q thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 888, tờ bản đồ số 20 của gia đình ở thôn Long Tiến, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để vay T1 số tiền 400.000.000đ. Hai bên thỏa thuận làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích che giấu việc T1 cho Hoa vay nặng lãi, T1 lấy mảnh đất để làm tin. T1 nhờ Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, ở thôn T Thành, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là công chứng viên Văn phòng công chứng Phạm Thị Phượng, địa chỉ: Khu 1, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Khi làm hợp đồng xong, T1 cắt lãi trước 01 kỳ (10 ngày) là 12.000.000đ, trừ 1.500.000đ tiền phí làm công chứng (theo thỏa thuận khi vay thì bên vay trả tiền công chứng, khi nào thanh toán nợ thì bên cho vay sẽ trả tiền công chứng). Thực tế, chị H chỉ nhận được số tiền 386.500.000đ. Từ ngày 03/7/2022 đến ngày 12/02/2023, chị H đã vay của T1 số tiền 500.000.000đ, T1 đã thu của chị H tổng số tiền lãi 252.900.000đ, thu lời bất chính số tiền 206.708.219đ. Cụ thể:

- Trong các ngày: 03/7/2022, 12/7/2022, 22/7/2022, 01/8/2022, 12/8/2022, 21/8/2022, 01/9/2022, 11/9/2022 chị H đã trả lãi đều mỗi kỳ lãi là 12.000.000đ cho T1 (8 kỳ, 80 ngày): 96.000.000đ. Thu lợi bất chính số tiền 78.465.753đ.

- Trong các ngày 20/9/2022, 21/9/2022, chị H trả tổng cộng 157.500.000đ, trong đó 150.000.000đ tiền gốc, tiền lãi 10 ngày 7.500.000đ của tiền gốc 250.000.000đ. T1 thu lời bất chính 6.130.137đ.

- Ngày 23/9/2022, chị H vay thêm T1 100.000.000đ cộng dồn vào khoản thế chấp đang vay, nâng có số tiền gốc vay thành 350.000.000đ. T1 cắt lãi trước 8

ngày 2.400.000đ để trùng ngày đóng lãi về sau. T1 thu lợi bất chính giai đoạn này số tiền là 1.961.644đ.

- Trong các ngày từ 01/10/2022 đến ngày 12/02/2023 chị H đã trả cho T1 14 kỳ lãi (140 ngày), mỗi kỳ 1.050.000đ = 147.000.000đ của số tiền gốc 350.000.000đ. T1 thu lời bất chính số tiền 120.150.685đ.

Từ ngày 12/02/2023 cho đến nay không có điều kiện trả nợ gốc và lãi nên Hoa đã xin khất T1 không đóng tiền lãi nữa, nợ lại số tiền 350.000.000đ (BL số 154-160, 201-209).

3. Đối với trường hợp vay của anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987, ở Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vay tiền của Trịnh Văn T1.

Ngày 27/3/2022, anh Nguyễn Văn T2 thế chấp sổ đỏ mảnh đất của anh T2 ở thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vay T1 số tiền 220.000.000đ. Anh T2 dự kiến vay 15 ngày nên T1 cắt lãi trước số tiền 9.900.000đ. Sau đó gia hạn thêm khoản vay, đến ngày 05/8/2022 thanh toán khoản vay.

Từ ngày 27/3/2022 đến ngày 05/8/2022, T1 đã thu tổng cộng 89.100.000đ tiền lãi từ anh T2, tương đương 09 kỳ lãi = 135 ngày (trong đó tiền lãi kỳ lãi ngày 03/7/2022, T1 cho anh T2 không thu lãi), thu lời bất chính số tiền là 72.826.027đ (BL số 168-171, 210-212).

4. Đối với trường hợp vay của anh Đinh Quang D, sinh năm 2002, ở thôn M, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa vay tiền của Trịnh Minh T.

Từ ngày 12/01/2023, Trịnh Minh T cho anh Duy vay 02 khoản với tổng cộng số tiền 70.000.000đ. T đã thu tiền lãi 2.100.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.716.438đ. Cụ thể:

- *Khoản 1*: Ngày 12/01/2023, anh Duy cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, biển số 29H1-464.91 (xe của chị Đinh Thị T, sinh năm 1986, trú tại Khu đô thị Vinomes Star City ở phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) vay T số tiền 40.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 1.200.000đ. Chiều cùng ngày, anh Duy trả T số tiền 40.500.000đ, gồm 40.000.000đ tiền vay gốc và 500.000đ Duy cho T. Thu lời bất chính số tiền là 980.822đ.

- *Khoản 2*: Ngày 28/01/2023, anh Duy tiếp tục cầm cố xe mô tô nêu trên vay số tiền 30.000.000đ, cắt trước 10 ngày tiền lãi 900.000đ. Ba ngày sau anh Duy đã thanh toán khoản vay. T thu lợi bất chính số tiền là 735.616đ (BL số 84-86, 219-227).

5. Đối với trường hợp vay của anh Thiều Huy V, sinh năm 1993, ở thôn L, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa vay tiền của Trịnh Minh T.

Từ ngày 15/11/2022, Trịnh Minh T cho anh Vương vay 12 khoản với tổng số tiền 295.000.000đ. T đã thu số tiền lãi 10.950.000đ, thu lợi bất chính số tiền 8.949.999đ. Cụ thể:

- *Khoản 1*: Ngày 15/11/2022, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Đến ngày 21/11/2022 thanh toán khoản vay. T thu 600.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 490.411đ.

- *Khoản 2*: Ngày 28/11/2022, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Đến ngày 14/12/2022 thanh toán khoản vay. T thu 20 ngày tiền lãi 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 980.822đ.

- *Khoản 3*: Ngày 30/11/2022, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Ngày 14/12/2022 thanh toán khoản vay. T thu 20 ngày tiền lãi 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 980.822đ.

- *Khoản 4*: Ngày 05/4/2023, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Đến ngày 06/4/2023 thanh toán khoản vay. T thu 600.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 490.411đ.

- *Khoản 5*: Ngày 12/4/2023, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Đến ngày 14/4/2023 thanh toán khoản vay. T thu 600.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 490.411đ.

- *Khoản 6*: Ngày 15/4/2023, anh Vương vay T số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 600.000đ. Đến ngày 18/4/2023 thanh toán khoản vay. T thu 600.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 490.411đ.

- *Khoản 7*: Ngày 27/4/2023, anh Vương vay T số tiền 25.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 750.000đ. Đến ngày 04/5/2023 thanh toán khoản vay. T thu 750.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 613.014đ.

- *Khoản 8*: Ngày 08/5/2023, anh Vương vay T số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 900.000đ. Trong ngày thanh toán khoản vay. T thu 900.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 735.616đ.

- *Khoản 9*: Ngày 09/5/2023, anh Vương vay T số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 900.000đ. Ngày 15/5/2023 thanh toán khoản vay. T thu 900.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 735.616đ.

- *Khoản 10*: Ngày 15/5/2023, anh Vương vay T số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 900.000đ. Ngày 27/5/2023 thanh toán khoản vay. T thu 20 ngày tiền lãi 1.800.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 1.471.233đ.

- *Khoản 11*: Ngày 29/5/2023, anh Vương vay T số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 900.000đ. Ngày 05/6/2023 thanh toán khoản vay. T thu 900.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 735.616đ.

- *Khoản 12*: Ngày 30/5/2023, anh Vương vay T số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 10 ngày là 900.000đ. Ngày 05/6/2023 thanh toán khoản vay. T thu 900.000đ tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền là 735.616đ.

Như vậy, tổng số tiền T đã cho chị C, anh Vương và anh Duy vay là 1.249.000.000đ, thu lời bất chính số tiền 179.495.619đ; tổng số tiền T1 đã cho chị C, chị H và anh T2 vay là 1.120.000đ, thu lợi bất chính số tiền 420.972.603đ.

Sau khi Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 đầu thú, Cơ quan cảnh sát điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và T1 nhưng không phát hiện, thu giữ gì.

Vật chứng vụ án:

- Khi đầu thú Trịnh Văn T1 đã giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 35219220848040433, IMEI 2 là 352192208600923; bên trong có lắp sim thuê bao số 0865209999.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 357295091622576, số IMEI 2 là 357295091644406, bên trong lắp sim thuê bao số 0946971234.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu ghi, biển kiểm soát 36C-365.81, đã qua sử dụng. Số khung là RL2UMFF60MCR12641, số máy YN2QPMC12641.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giấy chứng nhận số DE 298785 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/6/2022.

+ 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Phan Văn Q, Trịnh Thị H; bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1; số công chứng 3277, quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2022.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giấy chứng nhận số CV 290015 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 16/01/2020.

+ 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Trương Công C, Trần Thị T; bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1; số công chứng 3313, quyển số 4/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2022.

- Trịnh Minh T tự nguyện giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng, biển kiểm soát 36A-643.22, đã qua sử dụng. Số khung là RN2B24AA6MM9054339, số máy: P520719708.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu gold, số IMEI 1 là 351786564538147, số IMEI 2 là 351786564666237, bên trong lắp sim số thuê bao số 0865048888, số thẻ sim là 89840480009026900137.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, màu trắng đen, có số IMEI 1 là 359070384444444; IMEI SV: 01; bên trong lắp sim thuê bao Viettel có số sim thẻ sim là 898448000913395732.

Anh Mai Thanh P tự nguyện giao nộp:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại SH 125i, màu trắng, xe không gắn biển số, đã qua sử dụng.

+ 01 biển số xe máy 36C2-233.82 chữ đen nền trắng, viền biển đa sắc.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH 125i, biển kiểm soát 36C2-233.82, mang tên Lại Thị C, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Qúa trình điều tra xác định: 01 ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu ghi, biển số 36C-365.81, đã qua sử dụng, số khung là RL2UMFF60MCR12641, số máy YN2QPMC12641; 01 xe mô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng, biển kiểm soát 36A-643.22, đã qua sử dụng. Số khung là RN2B24AA6MM9054339, số máy: P520719708; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu, màu trắng đen, có số IMEI 1 là 359070384444444; IMEI SV: 01; bên trong lắp sim thuê bao Viettel có số sim thẻ sim là 898448000913395732 không liên quan đến việc phạm tội nên đã trả lại cho T1, T (BL số 1159, 1161, 1183).

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên được chuyển kèm theo trong hồ sơ vụ án. Những vật chứng khác đang quản lý và nhập kho vật chứng theo quy định.

Về bồi thường dân sự: Qúa trình điều tra, T và T1 chưa trả lại các khoản thu lời bất chính cho những người vay tiền.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSYĐ ngày 28/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 2 Điều 201, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn T1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Minh T cho UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo Trịnh Văn T1 cho UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Về áp dụng biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử:

Truy thu số tiền gốc các bị cáo dùng cho vay lãi cao để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T số tiền 240.000.000đ và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 số tiền 860.000.000đ.

Truy thu số tiền lãi phát sinh các bị cáo được hưởng lợi bất chính nộp ngân sách Nhà nước cụ thể: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T số tiền 40.104.111đ và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 số tiền 94.027.397đ.

Tổng cộng số tiền truy thu của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước là: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T số tiền 280.104.111đ và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 số tiền 954.027.397đ

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 35219220848040433, IMEI 2 là 352192208600923 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, đã qua sử dụng của Trịnh Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu gold của Trịnh Minh T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim thuê bao số 0865209999 lắp trong điện thoại Iphone 14 Promax và 01 sim thuê bao số 0946971234 lắp trong điện thoại Iphone XS Max của T1; 01 sim số thuê bao 0865048888, số thẻ sim là 89840480009026900137.
lắp trong điện thoại của T.

Trả lại cho chị Lại Thị C: 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại SH 125i, màu trắng, xe không gắn biển số, đã qua sử dụng, 01 biển số xe máy 36C2-233.82 chữ đen nền trắng, viền biển đa sắc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH 125i, biển kiểm soát 36C2-233.82, mang tên Lại Thị C, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Các vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Trịnh Minh T thống nhất với quan điểm luận tội và không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát; bị cáo Trịnh Văn T1 cơ bản thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Riêng đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 35219220848040433, IMEI 2 là 352192208600923 cơ quan điều tra đang thu giữ, bị cáo T1 đề nghị được nhận lại vì bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với bị cáo T1 và vẫn giữ nguyên quan điểm chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng của T1 là công cụ thực hiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 đã hoàn toàn thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2021 đến ngày 24/8/2023 (thời điểm bị phát hiện), Trịnh Minh T đã có hành vi cho chị Lại Thị C, sinh năm 1996, ở thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, anh Thiều Huy V, sinh năm 1993, ở thôn L, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và anh Đinh Quang D, sinh năm 2002, ở thôn M, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vay lãi; Trịnh Văn T1 đã có hành vi cho chị Lại Thị C, vợ chồng chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991, ở tổ dân phố 4, thị trấn Qúy Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987, ở thôn N, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vay lãi. Cả T và T1 đều cho những người vay, vay với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,475 lần) lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Trịnh Minh T đã cho vay là 1.249.000.000đ, thu lời bất chính 179.945.889đ; tổng số tiền Trịnh Văn T1 đã cho vay là 1.120.000.000đ, thu lời bất chính số tiền 420.972.603đ.

Lời khai nhận của các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi cho vay lãi nặng của T và T1 đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với hành vi của T1 và T cho chị Lại Thị C vay, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. T1 và T đều được hưởng lợi như nhau nên có vai trò ngang nhau trong vụ án. Đối với những người vay do T và

T1 cho vay riêng thì T và T1 phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội độc lập của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T có ông nội, bị cáo T1 có bà ngoại và ông nội là người có công với cách mạng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Do đó, căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo thành công dân tốt. Tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo T1 cho vay với số tiền gốc lớn hơn và được hưởng lợi nhiều hơn bị cáo T nên cần cân nhắc mức hình phạt đối với bị cáo T1 cao hơn T.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, ở thôn T Thành, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa là công chứng viên, Văn phòng công chứng Phạm Thị Phượng công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Trịnh Văn T1. Tuy nhiên, chị Nhung không biết mục đích hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên nên không xem xét xử lý chị Nhung là phù hợp.

Đối với Mai Thanh P, là người cất giữ hộ T1 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, màu trắng, biển kiểm soát 36C2-366.82 là tài sản chị Lại Thị C cầm cố cho T1 khi vay lãi nặng. Nhưng P không biết việc T1 cho chị C vay lãi nặng bằng hình thức cầm cố xe, P không được bàn bạc, trao đổi hay hưởng lợi ích gì từ việc T1 cho vay lãi nặng nên không xem xét xử lý P là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc, các bị cáo sử dụng vào mục đích cho vay lãi cao, nhằm hưởng lợi bất chính, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Tổng số tiền gốc bị cáo Trịnh Minh T cho chị Lại Thị C, anh Đinh Quang D và anh Thiều Huy V vay riêng cũng như khoản góp vốn cùng với Trịnh Văn T1 cho chị Lại Thị C vay là 1.249.000.000đ; bị cáo Trịnh Văn T1 cho chị Lại Thị C, anh Nguyễn Văn T2, vợ chồng chị Trịnh Thị H vay riêng và khoản góp vốn cùng với T cho chị C vay là 1.120.000.000đ. Tuy nhiên, thực tế các bị cáo có sử dụng số tiền gốc cho vay quay vòng, bị cáo T có số tiền gốc sử dụng cho vay là 240.000.000đ; bị cáo T1 có số tiền gốc sử dụng để cho vay là 860.000.000đ. Những người vay đều đã trả tiền gốc đầy đủ cho các bị cáo T và T1 nên cần truy thu tiền gốc của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: truy thu bị cáo T là 240.000.000đ và truy thu bị cáo T1 là 860.000.000đ.

Đối với khoản tiền lãi các bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà các bị cáo thu thực tế của người vay. Đây là tiền các bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay nên cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay. Qúa trình giải quyết vụ án, các bị cáo T và T1 đã tự nguyện trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho những người vay; họ đã nhận tiền đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền lãi các bị cáo thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm), cụ thể: Bị cáo T và T1 thu chung khoản vay của chị C số tiền là 57.468.492đ (mỗi bị cáo là 28.734.246đ); bị cáo T thu khoản vay riêng của chị C là 8.986.302đ, của anh Vương là 2.000.001đ, của anh Duy là 383.562đ; bị cáo T1 thu khoản vay riêng của chị C là 2.827.397đ, của anh T2 là 16.273.973đ, của vợ chồng chị H là 46.191.781đ. Đây là tiền các bị cáo được hưởng lợi do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu tiền lãi của bị cáo T tổng cộng là 40.104.111đ và bị cáo T1 tổng cộng là 94.027.397đ.

Vậy, tổng cộng số tiền cần truy thu của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước là: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T là 280.104.111đ và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 là 954.027.397đ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 35219220848040433, IMEI 2 là 352192208600923 của Trịnh Văn T1. Tại phiên tòa, bị cáo T1 đề nghị được nhận lại vì chiếc điện thoại này bị cáo không dùng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy: Qúa trình điều tra, tại các bút lúc số 159-160 bị cáo T1 đều thừa nhận bị cáo có sử dụng điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím để gọi điện cho chị H nhắc nợ, đồng thời sử dụng để đăng nhập tài khoản ngân hàng MB số 0000199356789 mang tên TRINH VĂN T1 để chuyển, nhận tiền lãi từ chị H. Hơn nữa, tại biên bản kiểm tra điện thoại của T1 (bút lục số 1172) có thể hiện "ứng dụng Messenger ghi nhận tài khoản Đức T1 có một đoạn hội thoại với tài khoản Châm xumiss. Do đó, đề nghị nhận lại điện thoại

của bị cáo T1 là không có cơ sở chấp nhận. Đây là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, đã qua sử dụng của Trịnh Văn T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu gold của Trịnh Minh T là những công cụ, phương tiện dùng để thực hiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim thuê bao số 0865209999 và 01 sim thuê bao số 0946971234 lắp trong điện thoại của T1; 01 sim số thuê bao 0865048888, số thẻ sim là 89840480009026900137 lắp trong điện thoại của T là công cụ, phương tiện thực hiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại SH 125I, màu trắng, xe không gắn biển số, đã qua sử dụng, 01 biển số xe máy 36C2-233.82 chữ đen nền trắng, viền biển đa sắc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH 125i, biển kiểm soát 36C2-233.82 là tài sản hợp pháp của chị Lại Thị C dùng để cầm cố cho các bị cáo T và T1 vay tiền, việc cầm cố này không hợp pháp nên cần trả lại tài sản cho chị C.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 298785 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/6/2022 mang tên anh Phan Văn Q, chị Trịnh Thị H và 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Phan Văn Q, Trịnh Thị H, bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1, số công chứng 3277, quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2022; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 290015 do UBND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/01/2020 mang tên anh Trương Công C và chị Trần Thị T cùng 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Trương Công C, Trần Thị T; bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1; số công chứng 3313, quyển số 4/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2022 được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án. Các văn bản giấy tờ này thực chất là nhằm che giấu, thực hiện hợp đồng vay tiền với lãi suất cao giữa vợ chồng chị C, vợ chồng chị H với T1. Qúa trình chuẩn bị xét xử, chị H và chị C có đơn đề nghị được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Xét thấy, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã trả lại cho vợ chồng chị H, vợ chồng chị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; họ đã nhận đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Minh T 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T1 12 (*mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Minh T cho UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo Trịnh Văn T1 cho UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* Về áp dụng biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền gốc các bị cáo dùng cho vay lãi cao để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T số tiền 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 số tiền 860.000.000đ (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Truy thu số tiền lãi phát sinh các bị cáo được hưởng lợi bất chính nộp Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T số tiền 40.104.111đ (*Bốn mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, một trăm mười một đồng*) và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 số tiền 94.027.397đ (*Chín mươi tư triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*).

Tổng cộng số tiền cần truy thu của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước là: Truy thu của bị cáo Trịnh Minh T là 280.104.111đ (*Hai trăm tám mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, một trăm mười một đồng*) và truy thu của bị cáo Trịnh Văn T1 là 954.027.397đ (*chín trăm năm mươi tư triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*).

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, đã qua sử dụng, có số IMEI 1 là 35219220848040433, IMEI 2 là 352192208600923 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, đã qua sử dụng của bị cáo Trịnh Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu gold của bị cáo Trịnh Minh T;

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim thuê bao số 0865209999 và 01 sim thuê bao số 0946971234 lắp trong điện thoại của T1; 01 sim số thuê bao 0865048888, số thẻ sim là 89840480009026900137 lắp trong điện thoại của T.

Các vật chứng trên được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng do Công an huyện Yên Định phát hành, mặt trước phong bì có ký hiệu "Điện thoại T1", mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký giáp lai của Vũ Ngọc Thuận, Nguyễn Công Linh, Lê Văn Hoàng, Trịnh Văn T1 và các hình dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và 01 phong bì màu trắng do Công an huyện Yên Định phát hành, mặt trước phong bì có ký hiệu "Điện thoại Iphone 13 T", mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký giáp lai của Vũ Ngọc Thuận, Nguyễn Công Linh, Nguyễn Đức Nam, Trịnh Minh T cùng các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho chị Lại Thị C: 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại SH 125I, màu trắng, xe không gắn biển số, đã qua sử dụng, 01 biển số xe máy 36C2-233.82 chữ đen nền trắng, viền biển đa sắc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda, loại SH 125i, biển kiểm soát 36C2-233.82, mang tên Lại Thị C, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Lạc T1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Các vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định theo phiếu nhập kho số NK32 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 298785 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/6/2022 mang tên anh Phan Văn Q, chị Trịnh Thị H và 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Phan Văn Q, Trịnh Thị H, bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1, số công chứng 3277, quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2022; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 290015 do UBND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/01/2020 mang tên anh Trương Công C và chị Trần Thị T cùng 01 bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Trương Công C, Trần Thị T; bên nhận chuyển nhượng là Trịnh Văn T1; số công chứng 3313, quyển số 4/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2022 được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án đã được trả lại đầy đủ cho vợ chồng chị H, anh Qvà vợ chồng chị T, anh C.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trịnh Minh T và Trịnh Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, VT.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc **Hoàng Thị Thu** **Nguyễn Thị Hoa**